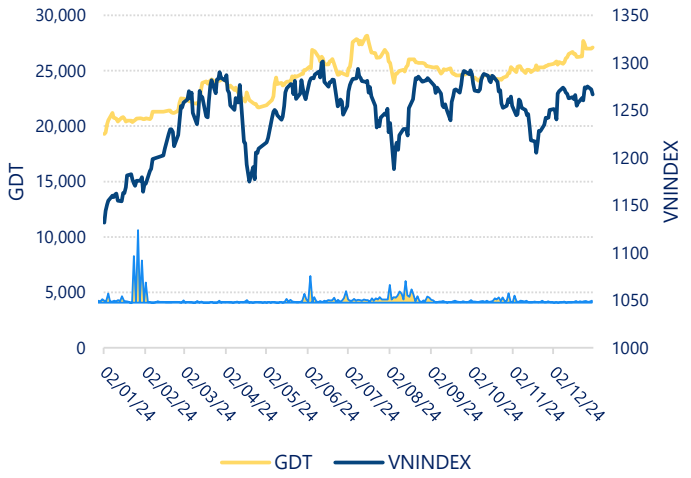
CTCP Chế biến Gỗ Đức Thành (HSX: GDT)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

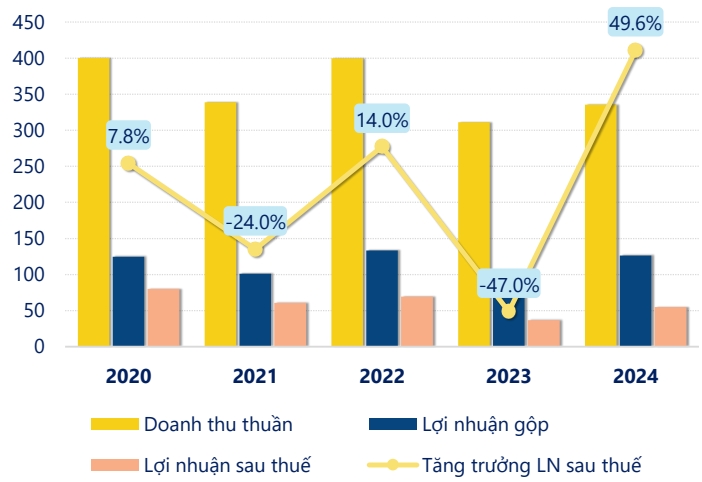
Ngày 31/12/2024	27,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.9%	12.5%	-2.7%

Lịch sử giá



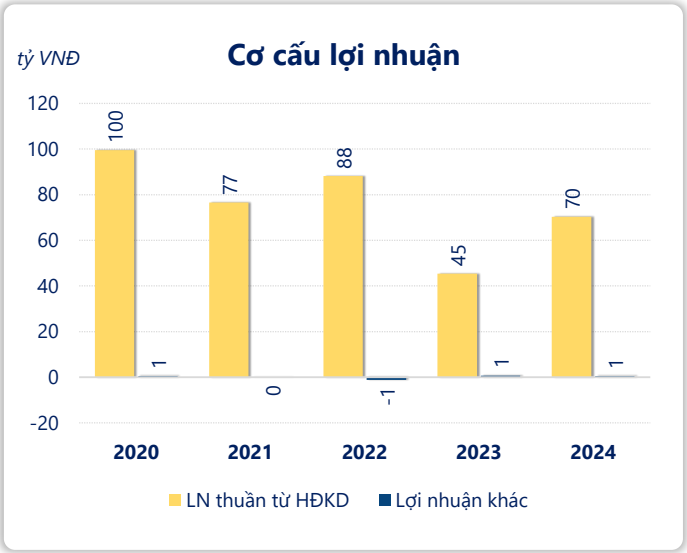
	2024	YoY
DT thuần	336 tỷ VNĐ	▲ 25.0 ▲ 7.9%
LN gộp	126 tỷ VNĐ	▲ 35.8 ▲ 39.8%
LN thuần	70.3 tỷ VNĐ	▲ 24.9 ▲ 54.7%
LN sau thuế	54.9 tỷ VNĐ	▲ 18.2 ▲ 49.6%
ROE	18.6%	+/- YoY ▲ 6.1%
ROA	11.8%	+/- YoY ▲ 2.8%

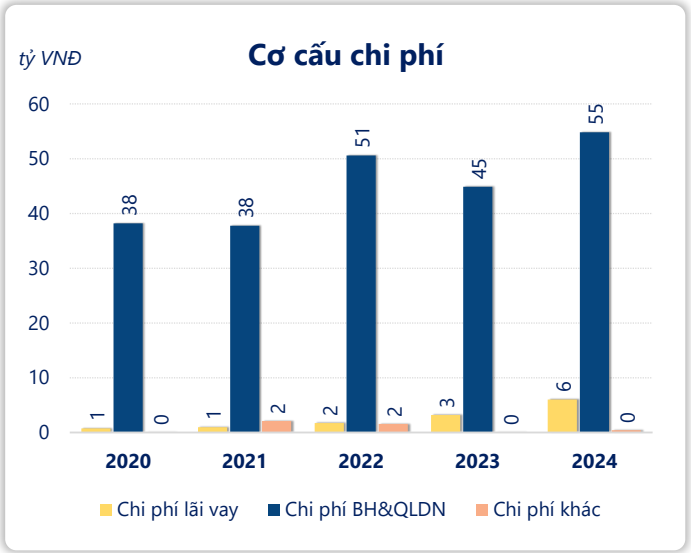
Kết quả kinh doanh



Năm **2024**, **GDT** ghi nhận doanh thu thuần **335.6** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **54.89** tỷ đồng, lần lượt **tăng 7.92%** và **tăng 49.6%** so với năm trước.

Hoạt động kinh doanh của công ty có sự tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, cùng với **ROE** khá tốt là **18.6%** cho thấy công ty đang phát triển và có hiệu quả hoạt động ổn định.

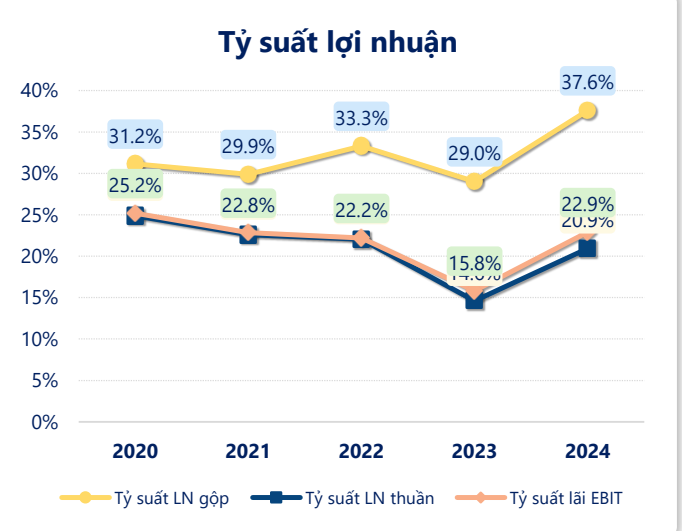


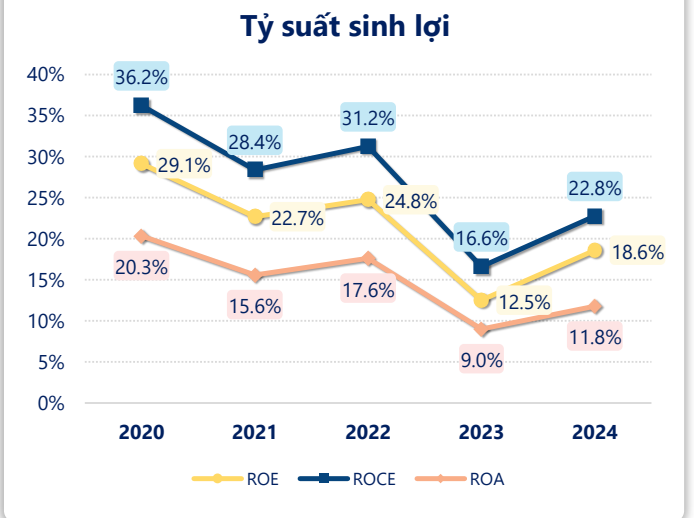


Năm **2024**, **GDT** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **70.28** tỷ đồng, **tăng lên 24.85** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (75.99 tỷ đồng) là 5.70 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

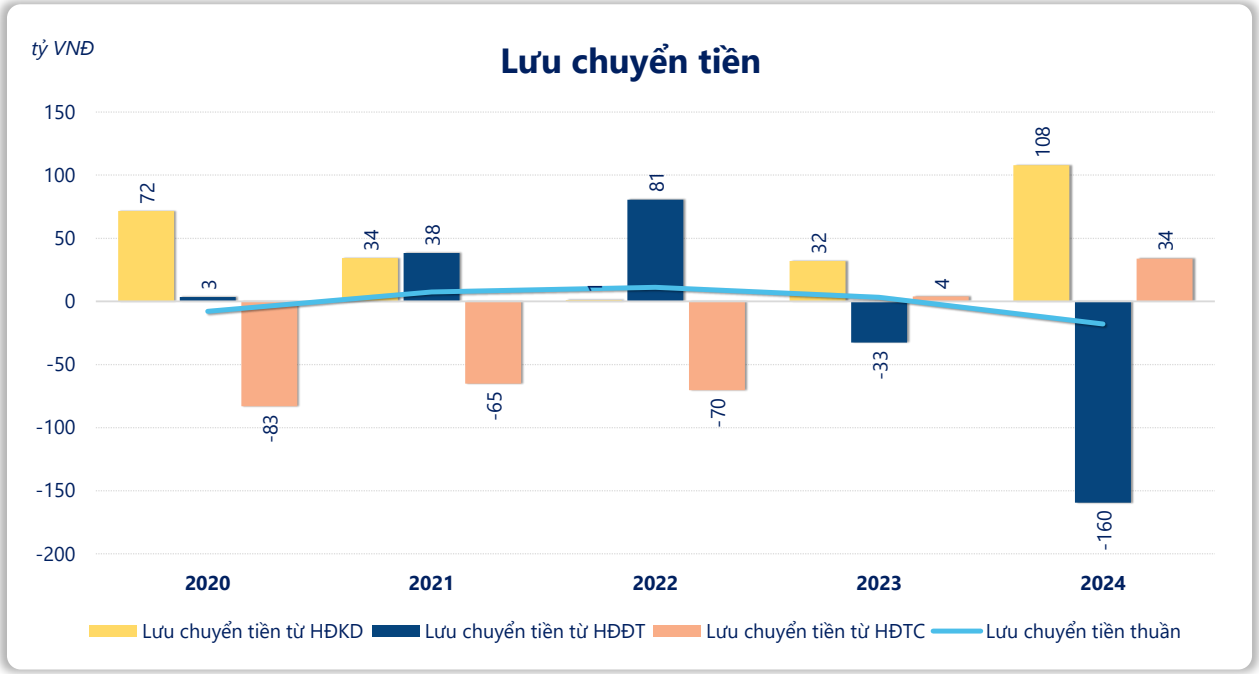
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **6.01** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **54.84** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.42** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của GDT năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **18.6%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**400**	**339**	**400**	**311**	**336**
Giá vốn hàng bán	276	237	267	221	209
Lợi nhuận gộp	**125**	**101**	**133**	**90.2**	**126**
Doanh thu HĐTC	17.2	16.6	15.4	10.4	9.15
Chi phí TC	4.22	3.52	9.87	10.3	10.2
Chi phí lãi vay	**0.76**	**0.95**	**1.75**	**3.18**	**6.01**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	18.5	14.7	18.0	17.2	17.1
Chi phí QLDN	19.7	23.0	32.6	27.6	37.8
LN thuần từ HĐKD	**99.6**	**76.5**	**88.1**	**45.4**	**70.3**
Lợi nhuận khác	0.51	-0.19	-1.17	0.61	0.56
LN trước thuế	**100**	**76.3**	**87.0**	**46.0**	**70.8**
Lợi nhuận sau thuế	**80.0**	**60.8**	**69.3**	**36.7**	**54.9**
LNST của CĐ cty mẹ	**80.0**	**60.8**	**69.3**	**36.7**	**54.9**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của GDT bằng **-17.92** tỷ đồng, **giảm** so với năm 2023 (3.26 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **107.8** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-159.5** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **33.81** tỷ đồng.